

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **07**/2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **19** tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 21 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII - Kỳ họp thứ 21 (chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và được áp dụng để chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Quỳnh Khánh



QUY ĐỊNH

Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /2021/NQ-HĐND ngày **19** tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

Các ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân trên địa bàn tỉnh Yên Bái được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau của cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách chi được thực hiện theo nghị quyết, quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các khoản chi phát sinh theo thực tế nhưng chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thống nhất bằng văn bản với Ủy ban bầu cử tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026, cụ thể như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị				
a	Hội nghị triển khai công tác bầu cử; hội nghị trực tuyến; hội nghị hiệp thương; hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị giao ban; hội nghị tổng kết		Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh Yên Bái quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Yên Bái		
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 38/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định mức chi đối với một số nội dung: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; đảm bảo trật tự an toàn giao thông; hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
a	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử				
	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	200.000	150.000	120.000
	Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	100.000	80.000	60.000
	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	50.000	40.000
b	Các cuộc họp của Ban bầu cử; các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	150.000	120.000	100.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	80.000	60.000	50.000
	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	40.000	30.000
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử				
a	Chi công tác phí		Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Yên Bái		
b	Trưởng đoàn giám sát	Đồng/người/ngày	200.000	150.000	120.000
c	Thành viên chính thức đoàn giám sát	Đồng/người/ngày	100.000	80.000	60.000
d	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát				
	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	Đồng/người/ngày	80.000	50.000	
	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	Đồng/người/ngày	50.000	50.000	
đ	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	Đồng/báo cáo	2.000.000	1.500.000	500.000
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/người/lần (không quá 5 lần/người/văn bản)	200.000	100.000	50.000
	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	Đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000
4	Chi xây dựng văn bản				
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh do các tổ chức phụ trách bầu cử ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong toàn tỉnh)				
	Chi xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	Đồng/văn bản	1.500.000		
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/người/lần (không quá 5 lần/người/văn bản)	100.000		
5	Chi bồi dưỡng những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a	Bồi dưỡng các đối tượng theo mức khoán				
	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử	Đồng/người/tháng	1.700.000	1.000.000	700.000
	Phó tiểu ban và thành viên Tiểu ban giúp việc cho Ủy ban bầu cử; thành viên Ủy ban bầu cử	Đồng/người/tháng	1.200.000		
	Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử	Đồng/người/tháng	1.000.000		
	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế, tính từ thời điểm các tổ chức phục vụ bầu cử được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đến khi các tổ chức phục vụ bầu cử kết thúc nhiệm vụ		Tối đa không quá 4 tháng	Tối đa không quá 3 tháng	Tối đa không quá 2 tháng
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử				
	Các đối tượng có thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người/ngày	80.000	80.000	80.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Các đối tượng có thời gian huy động trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày	Đồng/người/tháng	1.200.000	800.000	500.000
c	Mức chi cho lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử vào 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người/ngày	100.000	100.000	100.000
6	Chi hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ đợt bầu cử theo mức khoán				
	Trưởng, Phó trưởng Ban Chi đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng tiểu ban, Phó trưởng tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử	Đồng/người/tháng	300.000	200.000	100.000
	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, tính từ thời điểm các tổ chức phục vụ bầu cử được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đến khi các tổ chức phục vụ bầu cử kết thúc nhiệm vụ		Tối đa không quá 4 tháng	Tối đa không quá 3 tháng	Tối đa không quá 2 tháng
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
a	Người được giao trực tiếp tiếp công dân	Đồng/người/buổi	80.000	60.000	50.000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	Đồng/người/buổi	60.000	50.000	40.000
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	Đồng/người/buổi	50.000	40.000	30.000
8	Chi đóng hòm phiếu	Đồng/hòm phiếu	350.000	350.000	350.000
9	Chi khắc dấu	Đồng/dấu	250.000	250.000	250.000
10	Chi băng niêm yết danh sách bầu cử	Đồng/băng	1.200.000	1.200.000	1.200.000
11	Các nội dung chi khác				
a	Chi công tác tuyên truyền, in ấn		Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu		
b	Các nội dung chi khác		Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021 - 2026 do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì các nội dung dẫn chiếu được áp dụng theo văn bản mới./.